

Mường Lay, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Số: 47/QĐ-TH&THCSST

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét chế độ miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC VÀ THCS SÁ TỔNG

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 Của Chính phủ về việc quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định mức học phí từ năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ công văn số 2776/SGDĐT-KHTC ngày 15/9/2025 về việc hướng dẫn quy trình thủ tục, xét, thẩm định, Phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Căn cứ biên bản số 45b/BB-TH&THCSST ngày 26/9/2025 về việc xét duyệt chế độ miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025 – 2026 của trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sá Tổng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chế độ miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025 – 2026, cụ thể như sau:

1. Số học sinh, số tiền hỗ trợ được xét duyệt:

- Hỗ trợ chi phí học tập 1.002 học sinh trong đó: Cấp tiểu học 449 học sinh, cấp THCS 553 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 601.800.000 đồng Sáu trăm linh một nghìn tám trăm đồng).

- Miễn học phí 1.002 học sinh trong đó: Cấp tiểu học 449 học sinh, cấp THCS 554 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 111.960.000 đồng Một trăm mười một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

(Có danh sách học sinh kèm theo)

2. Thời gian được miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập: 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026.

3. Học sinh được miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí theo quy định tại Chương IV Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 Của Chính phủ và Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, kế toán và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Đình Tặng

DANH SÁCH
PHÊ DUYỆT HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
4 THÁNG CUỐI NĂM 2025, NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SÁ TỔNG (CẤP THCS)

(Kèm Quyết định số: 47/QĐ-TH&THCSST ngày 29/09/2025 của trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng)

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7=5*6	8	9	10	11	12
1	Sùng Thị Khu	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cửa	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
2	Giàng A Đại	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Súa Phình	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
3	Giàng Việt Long	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Thùng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
4	Hờ A Phương	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cửa	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
5	Sùng Thị Phương Cự	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
6	Sùng Thị Công	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Gà Súa	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
7	Giàng A Hùng	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Trầu	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
8	Hờ A Tủa	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Nải	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
9	Giàng Thị Ghừ	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Hồ	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
10	Giàng A Thư	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Cờ	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
11	Sùng Thị Dợ	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sớ	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
12	Giàng A Phương	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lông	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
13	Giàng Thị Xinh	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Cơ	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
14	Hờ Thị Bầu Bảy	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Thư	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
15	Giàng Thanh Phong	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Tùng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
16	Sùng A Dung	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Khoa Chía	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
17	Hờ Thị Khoa	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mũ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
18	Ly A Chua	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Xã	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
19	Hờ Thị Sinh	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vừ A Chí	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
20	Vàng A Páo	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng chớ Lừ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
21	Hờ A Tùng	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Dừng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
22	Hờ Thị Chua	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Siên	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
23	Hờ A Long	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phía	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
24	Vừ A Cánh	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Cơ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
25	Hờ A Phong	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Văn Dừng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
26	Hờ A Vư	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Súa Cờ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
27	Hờ A Linh	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sính	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
28	Sùng A Chả	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị Ía	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
29	Sùng Thị Dừa	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Bình	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
30	Hồ A Sáng	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Ly	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
31	Vàng A Chủ	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sinh	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
32	Sùng A Siên	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Đà	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
33	Giàng Thị Thuý	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Và	Dề Da	Mường Lay	Điện Biên	
34	Giàng Gia Uy	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lông	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
35	Giàng Thị Hòa	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sùng	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
36	Vừ A An	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vừ A Cầu	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
37	Vừ A Đại	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vừ A Hồ	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
38	Giàng A Vương	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Đình	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
39	Giàng A Thiên	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Công	Dề Da	Mường Lay	Điện Biên	
40	Sùng A Dũng	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Phía	Dề Da	Mường Lay	Điện Biên	
41	Ly A Thá	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Cống	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
42	Giàng Thị Ghênh	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tú	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
43	Hồ Thị Dĩa	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Sinh	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
44	Sùng A Đoàn	6A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Va	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
45	Sùng Thị Hương	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chở	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
46	Sùng A Lông	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cơ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
47	Sùng A Chu	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
48	Thào A Quân	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Dung	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
49	Sùng Thị Anh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
50	Giàng Thị Ganh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cúa	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
51	Hồ A Tia	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Dĩa	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
52	Sùng Thị Nguyễn Thanh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Pó	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
53	Sùng A Chu	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dê	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
54	Giàng Thị Vư	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cú	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
55	Giàng Thị Dị	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dừa	Sá phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
56	Hồ Thị Trị	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Chờ Bảy	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
57	Hồ Thị Vui	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Đà	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
58	Giàng A Khoa	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lầu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
59	Giàng A Tinh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Trẻ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
60	Hồ A Chứ	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Cống	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
61	Thào Thị Bĩa	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Lầu	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
62	Giàng A Thiên	6b	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Và	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
63	Giàng A Vinh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Thị Mỹ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
64	Hồ Thị Cà Sĩa	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Thị Lầu	Dề Da	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
65	Giàng Thị Dênh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vàng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
66	Giàng Thị Hạnh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mão	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
67	Hồ A Nhanh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Chính	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
68	Sùng A Minh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Phong	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
69	Vàng Thị Thùy	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Đài	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
70	Giàng A Toán	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Hờ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
71	Hồ Thị Chia	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Lầu	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
72	Giàng Thị Kiến	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chua	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
73	Vàng A Đông	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Tá	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
74	vàng A Linh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Lý	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
75	Sùng A Năm	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sử	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
76	Sùng A Chăn	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lầu	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
77	Sùng A Mạnh	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Cú	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
78	Hồ A Đông	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Phong	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
79	Hồ Thị Bảo	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Dơ (Dờ)	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
80	Vàng A Thắng	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sinh	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
81	Giàng Ách Di	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Giồng Páo	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
82	Hồ Thị Kỳ	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Nhè Hoa	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
83	Giàng A Công	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dơ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
84	Giàng A Thắng	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Gió	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
85	Giàng A Đức	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cua	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
86	Giàng A Trạ	6B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vừ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
87	Giàng Thị Ông	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dơ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
88	Giàng Thị Minh Hà	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
89	Giàng Thị Sinh	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Nhè	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
90	Sùng Thị Cừ	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chờ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
91	Sùng Thị Xinh	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hòa	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
92	Sùng A Chá	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
93	Giàng A Tuấn	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chù	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
94	Giàng A Dung	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Xá	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
95	Sùng A Tiên	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lầu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
96	Giàng Thị Hoa	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Đế	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
97	Giàng A Lai	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nhè Hoa	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
98	Hồ Thị Bia	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Tría	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
99	Sùng A De	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Trừ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
100	Hồ Thị Lia	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Chừ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
101	Giàng A Trường	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cua	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
102	Vàng Thị Cú	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Chở	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
103	Thào A Cầu	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Dính	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
104	Giàng A Bình	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thu	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
105	Giàng A Trung	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nhè Chu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
106	Sùng A Dừng	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Pó	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
107	Vàng Thị Máy	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Trầu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
108	Vàng A Thiên	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Tú	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
109	Sùng Thế Khôi	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Đà	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
110	Giàng Duy Tuệ	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lông	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
111	Giàng Thiên Hương	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Và	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
112	Giàng A Dờ	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Già Pùa	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
113	Giàng A Phương	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị Mò	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
114	Vàng A Cua	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Xia Sính	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
115	Hờ A Chính	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Chứ	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
116	Hờ Thị Nhè	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Táng	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
117	Sùng Thị Lê	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sơ	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
118	Sùng A Ngân	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Trầu	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
119	Hờ Thị Dợ	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Ký	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
120	Vàng Thị Liên	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Thị Hờ	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
121	Sùng Thị Phờ	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Nhè Cá	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
122	Giàng A Giáp	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Đỉnh	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
123	Giàng A Lý	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nhè Ly	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
124	Vàng A Đông	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Chá	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
125	Hờ A Việt	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Hùng	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
126	Ly Thị Di	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Nhè	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
127	Sùng A Nhanh	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Chừ Tung	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
128	Vàng Thị Dí	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Súa Thánh	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
129	Sùng Thị Gức	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chia	Huổi Luân	Mường Lay	Điện Biên	
130	Vàng Thị Hoa	6C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Đỉnh	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
131	Giàng A Anh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chừ Quả	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
132	Vàng A Anh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Cơ	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
133	Giàng A Ba	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Ná	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
134	Sùng A Biên	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
135	Vàng Thị Chi	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Cua	Tr. Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
136	Hờ A Chỉnh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Di	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
137	Giàng A Chợ	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Đảng	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
138	Sùng A Chú	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hồ	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
139	Vàng A Đại	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A May	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
140	Hờ A Dân	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Phà	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
141	Sùng Thị Dia	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Của	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
142	Hờ A Dính	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Súa Phình	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
143	Vàng A Đông	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Lý	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
144	Ly Thị Dừa	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Tú	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
145	Giàng A Dung	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sơ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
146	Giàng Thị Dung	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Pó	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
147	Sùng Thị Gâu	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cờ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
148	Giàng Thị Hà	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lầu	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
149	Sùng Thị Hạnh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dế	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
150	Giàng Thị Hoa	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chứ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
151	Hờ Thị Hoa	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Phà	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
152	Hờ Thị Hoa	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Pó	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
153	Giàng A Hoà	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chia	H.Luân	Mường Lay	Điện Biên	
154	Vàng A Hùng	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Vàng Dơ	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
155	Hờ A Khanh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Vả Thà	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
156	Giàng Thị Kía	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Gấu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
157	Thào A Long	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Sinh	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
158	Hờ A Mông	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Di	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
159	Giàng A Nhè	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chu	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
160	Sùng Thị Nhè	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sính	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
161	Giàng A Nù	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tú	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
162	Giàng Thị Pảnh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lềnh	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
163	Giàng A Phình	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mùa	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
164	Sùng Thị Phờ	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sính	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
165	Vàng Thị Phương	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sinh	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
166	Giàng A Quang	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thành	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
167	Giàng Thị Si	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vư	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
168	Hờ Thị Sía	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Dung	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
169	Sùng Thị Sinh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chổng	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
170	Hờ A Sơn	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Hồng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
171	Vàng A Sự	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sính	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
172	Hờ A Toán	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Xã	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
173	Sùng Thị Xinh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sáu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
174	Vàng Thị Xinh	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Chữ	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
175	Thào Thị Như Ý	6D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Chua	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
176	Giàng A Bách	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dơ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
177	Hồ A Bẫy	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Lầu	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
178	Hồ A Cường	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Dợ	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
179	Hồ A Chia	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Sáy Sùng	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
180	Giàng A Chữ	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chờ Cá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
181	Hồ Mạnh Đế	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Hạ	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
182	Sùng A Đế	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
183	Sùng Thị Dợ	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Trầu	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
184	Giàng Thị Dung	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chữ	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
185	Giàng Thiên Đàn	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phía	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
186	Hồ A Hải	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Đế	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
187	Giàng A Hại	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chia	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
188	Giàng Thị Hoa	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chu	Xà phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
189	Hồ A Hoàn	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Páo	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
190	Giàng A Hoàng	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Già Trầu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
191	Giàng A Kia	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chồng Ma	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
192	Giàng A Khá	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sính	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
193	Thào A Li	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Chò	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
194	Hồ Thị Liên	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Sá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
195	Giàng A Mờ	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Khoa Chính	Sà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
196	Sùng Thị Phụng	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sú	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
197	Hồ Thị Si	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Tú	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
198	Sùng Thị Sinh	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cơ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
199	Giàng Thị Súa	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Nhè	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
200	Sùng A Tiến	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Minh	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
201	Giàng Thị Thanh	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Di	Xà phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
202	Vàng A Thắng	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Ly	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
203	Sùng Mạnh Thiên	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Vênh	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
204	Sùng A Thương	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Tổng	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
205	Sùng A Vư	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Thùng	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
206	Hồ Thị Xia	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Chái Xá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
207	Hồ Thị Xinh	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Chia	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
208	Sùng Thị Xua	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cờ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
209	Vàng A Quân	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Di	Sát Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
210	Sùng A Va	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dính	Trung Ghêh	Mường Lay	Điện Biên	
211	Lò Bảo Khôi	7A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Lò Văn tinh	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
212	Sùng A Cành	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chung	Trung Ghêh	Mường Lay	Điện Biên	
213	Giàng Thị Chia	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cờ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
214	Giàng A Chinh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sào	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
215	Hờ A Chua	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Phả	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
216	Vàng A Cùa	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Dơ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
217	Giàng Hoàng Cương	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chá Hờ	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
218	Giàng Thị Dích	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nhè Ly	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
219	Giàng Thị Doanh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chua	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
220	Hờ Thị Dung	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Cá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
221	Sùng Thị E	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Vư	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
222	Sùng Thị Gầu	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Má	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
223	Sùng Thị Gương	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sá	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
224	Thào A Hồ	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Nhừ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
225	Sùng Thị Mỹ Hoa	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Nhè	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
226	Giàng Thị Lia	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Và	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
227	Thào A Mạnh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Sur	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
228	Giàng Thị Na	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Khai	Há mùa lừ	Mường Lay	Điện Biên	
229	Giàng A Nam	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
230	Giàng Thị Pà Nhè	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Giổng Hòa	Đề Da	Mường Lay	Điện Biên	
231	Hờ A Phư	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Thá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
232	Giàng Thị Phương	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng nỏ Phía	Đề da	Mường Lay	Điện Biên	
233	Vàng A Phương	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Cộn	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
234	Vàng A Say	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Nỏ Hồ	Trung Ghêh	Mường Lay	Điện Biên	
235	Hờ A Sính	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Dơ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
236	Giàng A Sinh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Hờ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
237	Giàng A Thái	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Lay Nura	Mường Lay	Điện Biên	
238	Giàng Xuân Thành	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vênh	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
239	Giàng A Thỏ	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Minh Chua	Há mùa lừ	Mường Lay	Điện Biên	
240	Giàng Thị Thu	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thình	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
241	Ly A Tinh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Trĩa	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
242	Sùng A Tinh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Thá	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
243	Sùng A Toán	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hừ	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
244	Giàng A Trầu	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nhè Trừ	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
245	Sùng A Trư	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Và Hờ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
246	Hờ Thị Xinh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Chá Dế	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
247	Sùng A Tinh	7B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Phái Sỏ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
248	Giàng A Anh	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Xề	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
249	Hờ A Anh	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Dế	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
250	Hờ Thị Bàu	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Phía	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
251	Vàng A Cộn	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Mú	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
252	Giàng A Dính	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Ía	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
253	Giàng Thị Thanh Đơn	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị Mỏ	Phi 2- Ca So	Mường Lay	Điện Biên	
254	Vàng A Dung	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Giồng	Trung Ghênh	Mường Lay	Điện Biên	
255	Sùng A Dũng	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Và	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
256	Sùng A Hành	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hóa	Xà phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
257	Vàng A Hòa	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Trai	Trung Ghênh	Mường Lay	Điện Biên	
258	Giàng A Hùng	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chìa	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
259	Giàng Thị Huyền	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vừ	Xà phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
260	Giàng A Khoa	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tá	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
261	Hờ A Lù	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Trầu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
262	Sùng Thị Lũ	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
263	Vàng A Minh	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Lồng	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
264	Giàng Thị Nam	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Ninh (Lềnh)	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
265	Giàng Thị Nghi	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
266	Sùng A Nhanh	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chu	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
267	Giàng Thị Nhênh	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Sáu Páo	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
268	Giàng Minh Phúc	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lừ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
269	Giàng Thị Phượng	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thống	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
270	Giàng Thị Say	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mùa	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
271	Hờ A Sơ	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Gà Và	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
272	Hờ Thị Súc	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Đà	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
273	Hờ A Thiên	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Thảo	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
274	Giàng Quyết Toán	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thái	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
275	Sùng A Triệm	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sầu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
276	Giàng A Trừ	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tú	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
277	Giàng A Trung	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sơ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
278	Sùng Nguyễn Trương	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Má	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
279	Sùng A Tùng	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Và Khai	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
280	Giàng Thị Vi	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Xế Páo	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
281	Giàng A Vinh	7C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lòng	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
282	Hồ Thị Bìa	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Minh	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
283	Giàng Thị Cầu	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly Thị Dợ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
284	Giàng Thị Chi	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Hồng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
285	Hồ Thị Chía	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Nhè	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
286	Sùng Thị Công	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Tú	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
287	Mùa A Cương	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Mùa A Nù	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
288	Giàng A Dị	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Di	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
289	Giàng A Dĩa	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chía	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
290	Giàng A Dinh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Dũng Dành	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
291	Sùng A Dung	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Sái Sinh	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
292	Sùng A Dũng	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Hờ	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
293	Giàng Thị Ganh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thống	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
294	Sùng Thị Ganh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Sấu Lừ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
295	Sùng A Hoàn	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Vành	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
296	Giàng A Hứ	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phong	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
297	Hồ Thị Kía	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Páo	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
298	Giàng Thị Lĩa	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chua	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
299	Vàng A Ly	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Phình	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
300	Ly Thị Mò	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Lừ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
301	Hồ A Mú	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Cờ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
302	Hồ A Mùng	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Khoa Páo	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
303	Giàng A Nhĩa	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
304	Giàng A Phía	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Sầu	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
305	Giàng A Phương	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Thị Lý	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
306	Giàng Thị Phượng	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phía	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
307	Giàng Thị Sinh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sừ	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
308	Hồ Thị Sinh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Sính	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
309	Giàng A Sinh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Xia	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
310	Sùng A Sương	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
311	Giàng A Thư	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vừ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
312	Giàng A Thương	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thảo	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
313	Sùng A Toán	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Phình	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
314	Giàng A Vương	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lòng	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
315	Giàng Thị Xinh	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Hòa	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
316	Sùng Thị Xua	7D	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Ninh	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
317	Hồ Thị Ánh	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Ninh	Xá Ninh	Mường lay	Điện Biên	
318	Vàng Thị Bảo	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị So	Xá Ninh	Mường lay	Điện Biên	
319	Giàng Thị Chính	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Hờ	Há Mùa Lừ	Mường lay	Điện Biên	
320	Hồ A Chua	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Súa Dia	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
321	Sùng A Chua	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Và Hờ	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
322	Giàng A Chung	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Gió	Xà Phình 2	Mường lay	Điện Biên	
323	Hồ A Chuyên	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Dừng	Đề Dê	Mường lay	Điện Biên	
324	Giàng A Công	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Xá	Đề Dê	Mường lay	Điện Biên	
325	Giàng A Cộn	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chông Ma	Há Mò Lừ	Mường lay	Điện Biên	
326	Giàng Thị De	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Ná	Xà Phình 1	Mường lay	Điện Biên	
327	Giàng A Dể	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chứ	Xà Phình 2	Mường lay	Điện Biên	
328	Sùng A Dể	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Páo	Đề Da	Mường lay	Điện Biên	
329	Hồ Thị Dợ	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Trĩa	Xà Phình 2	Mường lay	Điện Biên	
330	Giàng A Dương	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dững	Đề Da	Mường lay	Điện Biên	
331	Vàng Bác Hà	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Vinh	Trung Gênh	Mường lay	Điện Biên	
332	Giàng A Hoa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Hồ	S.Phình 2	Mường lay	Điện Biên	
333	Giàng A Hoa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Pà	S.Phình 2	Mường lay	Điện Biên	
334	Giàng Thị Hoa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chua	Xá Ninh	Mường lay	Điện Biên	
335	Sùng Thị Hoa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Tho	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
336	Sùng Thị Hoa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
337	Ly A Hòa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly A Thồng	Xà Phình 1	Mường lay	Điện Biên	
338	Giàng A Long	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Xia	Xà Phình 2	Mường lay	Điện Biên	
339	Sùng A Mạnh	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dơ	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
340	Giàng Thị My	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phương	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
341	Hồ Thị Nhi	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Táng	Sá Tổng	Mường lay	Điện Biên	
342	Giàng Thị Phụng	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phía	Đề Da	Mường lay	Điện Biên	
343	Sùng Thị Phụng	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chá	Xá Ninh	Mường lay	Điện Biên	
344	Giàng A Quý	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nỏ Phừ	Đề Da	Mường lay	Điện Biên	
345	Ly Công Sinh	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly Thị Giàng	Đề Da	Mường lay	Điện Biên	
346	Vàng A Sinh	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Súa Thánh	Sá Tổng	Mường lay	Điện Biên	
347	Sùng Thị Súa	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lầu	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
348	Giàng Thị Súc	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Khoa Chính	S.Phình	Mường lay	Điện Biên	
349	Hồ Thị Sur	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Chái Sá	Sá tổng	Mường lay	Điện Biên	
350	Sùng A Thái	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sinh	Phi 2	Mường lay	Điện Biên	
351	Sùng A Thành	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lông	Đề Dê	Mường lay	Điện Biên	
352	Giàng A Tinh	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Gà Sá	Xà Phình 2	Mường lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng) (ng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
353	Sùng A Trường	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lờ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
354	Giàng A Và	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Pả Vư	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
355	Giàng A Xi	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Cờ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
356	Hờ A Văn	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Mùa	T. Ghênh	Mường Lay	Điện Biên	
357	Sùng Thị Xi	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Trầu	Xá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
358	Vàng thị sua	8A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sùng	T. Ghênh	Mường Lay	Điện Biên	
359	Giàng Thị Bấu	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thu	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
360	Giàng Thị Be	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vừ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
361	Giàng Xuân Bộ	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Tiến Hùng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
362	Hờ A Cọng	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Minh	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
363	Hờ Mua Cung	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Sinh Giàng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
364	Hờ A Cường	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Dung	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
365	Sùng Thị Danh	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sinh	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
366	Giàng Thị Dế	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Ký	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
367	Giàng Thị Dợ	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Giả Thê	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
368	Vừ Thị Đĩa	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vừ A Dia	Trung Ghênh	Mường Lay	Điện Biên	
369	Hờ Thị Đích	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Sinh	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
370	Giàng A Đông	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dế	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
371	Hờ A Hùng	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Cờ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
372	Sùng Thị Kía	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Chờ Dế	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
373	Hờ A Lành	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị Cá	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
374	Giàng Thị Sai Lia	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
375	Giàng Thành Long	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Là	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
376	Giàng A Lôg	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chờ Nhè	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
377	Hờ A Lý	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Ký	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
378	Sùng Thị Lý	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cửa	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
379	Hờ A Mạnh	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Ninh	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
380	Giàng Thị Nhánh	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Súa Mú	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
381	Hờ Thị Yến Nhi	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Cờ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
382	Sùng Thị Nhi	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Chờ Dia	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
383	Hờ Thị Nu	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Hải	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
384	Hờ A Phía	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Vả Sùng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
385	Sùng A Phía	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lâu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
386	Giàng A Quê	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vinh	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
387	Hờ Thị Sinh	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Vừ	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
388	Vàng Thị Sinh	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Tinh	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
389	Hồ Thị Súa	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Xá	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
390	Thào Thị Sy	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Dũng	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
391	Hồ A Thành	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Lầu	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
392	Giàng A Thắng	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào Thị Đór	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
393	Sùng A Thương	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chớ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
394	Giàng A Tiến	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lênh	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
395	Sùng Mạnh Tuấn	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cờ	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
396	Hồ A Tùng	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Tàng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
397	Vàng A Và	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Tủa	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
398	Hồ A Vinh	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Di	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
399	Vàng Thị Hiền	8B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A May	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
400	Giàng A Chua	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lầu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
401	Vàng A Chứ	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sinh	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
402	Sùng Thị Cúc	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Trừ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
403	Giàng A Cúng	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dờ	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
404	Sùng A Cực	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hòa	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
405	Giàng A Cương	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mo	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
406	Giàng Thị Đà	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Nhè Trừ	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
407	Giàng A Dính	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Sáu Páo	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
408	Giàng Thị Dưa	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Thị Pà	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
409	Giàng Thị Pa Dừa	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A So	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
410	Giàng Thị Hà Như Hạnh	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lừ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
411	Thào(Thò) A Hồ	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào(Thò) A Mua	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
412	Giàng A Khác	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
413	Hồ Thị Liêu	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Phử	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
414	Giàng A Long	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Phong	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
415	Giàng A Long	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tớ	Huổi luân	Mường Lay	Điện Biên	
416	Hồ A Minh	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Dế	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
417	Sùng Thị Mo	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
418	Vàng Thị Mò	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Vàng Sùng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
419	Giàng A Nà	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Pò	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
420	Hồ Thị Nhanh	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Lành	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
421	Hồ Thị Nhe	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Lành	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
422	Giàng Thị Nhè	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vư	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
423	Sùng Thị Phương	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lý	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
424	Hồ A Sinh	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Trầu	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
425	Vàng A Sinh	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Trầu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
426	Sùng A Sơn	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Súa Tú	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
427	Giàng A Thổ	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
428	Giàng T Xuân Thủy	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sự	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
429	Sùng A Tinh	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Máy	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
430	Giàng A Trung	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Và	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
431	Hờ A Tùng	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Nhè	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
432	Vàng A Vần	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Tá	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
433	Sùng Thị Vần	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Tó	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
434	Sùng A Viện	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Sáu Hoà	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
435	Giàng A Vương	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Xia	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
436	Hờ A Xá	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Súa Phình	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
437	Giàng Thị Xi	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tòa	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
438	Hờ Thị Xia	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Phở	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
439	Hờ A Xương	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Trầu	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
440	Giàng A Vư	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dế	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
441	Giàng Thị Dờ	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Là	Huổi luân	Mường Lay	Điện Biên	
442	Giàng A Cha	8C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sính	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
443	Sùng Thị Cá	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sài	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
444	Giàng A Chiến	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Súa Tính	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
445	Giàng A Chức	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Phái Sinh	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
446	Hờ Thị Cú	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Hải	Sà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
447	Hờ Thị Dia	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Thị Dính (mẹ)	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
448	Giàng Thị Dưa	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mũ (Mú)	Sà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
449	Vàng Thị Dung	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A May (Mai)	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
450	Sùng A Gấu	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Thị Sung	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
451	Sùng Thị Giàng	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Lùng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
452	Giàng A Hai	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
453	Hờ A Hồng	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Pinh	Sà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
454	Hờ Mạnh Hồng	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị Sâu	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
455	Giàng A Huệ	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Thị Cờ	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
456	Sùng A Hùng	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Khá	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
457	Hờ A Ký	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Sáy Trĩa	Sà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
458	Hờ Thị Gấu Li	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Rú (Chú) Giàng	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
459	Giàng A Nam	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly Thị Dung (mẹ)	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
460	Hờ Hồng Nha	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Chía	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
461	Sùng Thị Pà	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Thị Mỹ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
462	Thò A Phía	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thò A Mua (Mùa)	Sà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
463	Giàng A Sinh	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Dế	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
464	Sùng Thị Sinh	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chớ	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
465	Vàng A Sơ	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Chá	Trung gênh	Mường Lay	Điện Biên	
466	Sùng Thị Súng	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Chồng Giàng	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
467	Giàng A Thắng	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vả	Sà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
468	Giàng A Vả	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tủa	Sà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
469	Hờ A Vả	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Cộn	Sà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
470	Sùng Thị Vần	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sớ	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
471	Giàng A Lâu	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Hồi Luân	Mường Lay	Điện Biên	
472	Sùng A Cương	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Thá	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
473	Hầu A Long	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hầu A Tủa	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
474	Sùng A Khứ	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Chùng Chua	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
475	Giàng Thị Chi	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Thị Sung	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
476	Sùng A Cộn	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Pó	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
477	Vừ A Sú	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vừ A Chí	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
478	Vừ A Thi	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vừ A Cầu	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
479	Sùng A Trư	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Thị Dí	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
480	Sùng A Vương	9A	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dia	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
481	Giàng Thị Xia	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thề	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
482	Thào Thị Lia	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Sur	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
483	Hờ A Danh	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Thống	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
484	Hờ A Tria	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ A Thảo	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
485	Giàng A Vinh	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lầu	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
486	Giàng A Da	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Thành	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
487	Giàng Thị Dí	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Bía Hồ	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
488	Giàng A Huynh	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Mảo	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
489	Sùng A Hừ	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Thùng	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
490	Sùng Thị Lú	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chồng	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
491	Giàng Thị Lễ	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sùng	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
492	Giàng Thị Ía	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Gấu	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
493	Sùng Thị La	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chừ	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
494	Hầu A Cộn	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hầu A Chia	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
495	Sùng A Dế	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Sáy Tú	Huổi Luân	Mường Lay	Điện Biên	
496	Hờ Văn Lợi	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hờ Súa Thống	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
497	Sùng Thị Lia	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sính	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
498	Sùng Thị Say	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Di	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
499	Giàng A Trường	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Chứ Thành	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
500	Hồ A Lông	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Lù	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
501	Sùng A Dinh	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Phong	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
502	Hồ Thị Máy	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Cờ	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
503	Vàng A Bình	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Phà	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
504	Sùng A Thư	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Va	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
505	Hồ Thị Chua	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Tàng	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
506	Giàng A Ong	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Thị Pà	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
507	Sùng A Lông	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Chứ Giành	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
508	Vàng A Định	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Cộn	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
509	Giàng A Chu	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Ná	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
510	Thào Thị Phân	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào A Như	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
511	Giàng Thị Mỹ	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sò	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
512	Giàng A Canh	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vả	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
513	Giàng A Hoa	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Sáu Páo	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
514	Giàng A Vi	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chua	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
515	Giàng A Súa	9B	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng Gà Thái	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
516	Hồ A Lênh	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Tú	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
517	Giàng A Thành	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chia	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
518	Hồ A Sinh	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Nhè	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
519	Sùng A Cán	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Vênh	Dế Da	Mường Lay	Điện Biên	
520	Sùng Thị Vân	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Cửa	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
521	Sùng A Khai	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dế	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
522	Sùng Thị Dưa	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Sính	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
523	Hồ Thị Sinh	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Hoà	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
524	Sùng A Hùng	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hừ	Đề Dê	Mường Lay	Điện Biên	
525	Hồ A Vươn	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Cơ	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
526	Hồ Thị Gương	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Hòa	Sá Tổng	Mường Lay	Điện Biên	
527	Giàng A Nguyên	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Vừ	Huổi Luân	Mường Lay	Điện Biên	
528	Hồ A Nhia	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ Chứ Cửa	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
529	Giàng Thị Dấu	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chua	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
530	Sùng Thế Anh	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Lia	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
531	Giàng Thị Chia	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Sò	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
532	Giàng A Bi	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Tú	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Phường	Tỉnh	
533	Thào A Sinh	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Thào Sáy Thề	Phi 2	Mường Lay	Điện Biên	
534	Hầu Xuân Cường	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hầu A Lự	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
535	Sùng A Hòa	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chớ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
536	Ly A Cá	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Gênh	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
537	Hồ Thị Cá	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Minh	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
538	Hồ A Long	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Cờ	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
539	Hầu Thị Xuân	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hầu A Phía	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
540	Hồ Thị May	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Sá	Sá Ninh	Mường Lay	Điện Biên	
541	Sùng A Dế	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Hoá	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
542	Sùng A Dính	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Chu	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
543	Vàng A Tria	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sớ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
544	Hồ Thị Chua	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Súa	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
545	Giàng A Vịnh	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Ly Thị Dợ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
546	Hồ A Cộn	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Hồ A Trĩa	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
547	Giàng A Phương	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Lừ	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
548	Sùng Thị Dính	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Nhè	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
549	Giàng A Cường	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Giàng A Chu	Xà Phình 2	Mường Lay	Điện Biên	
550	Vàng A Tiến	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng A Sính	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
551	Vàng A Vư	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Vàng Nhè Hoa	Trung Gênh	Mường Lay	Điện Biên	
552	Sùng A Hờ	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng A Dính	Há Mùa Lừ	Mường Lay	Điện Biên	
553	Giàng A Trung	9C	Khu vực III	150.000	4	600.000	Sùng Thị Ía	Xà Phình 1	Mường Lay	Điện Biên	
Tổng cộng						331.800.000					
Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.											
Tổng số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 553 học sinh.											